

Đơn vị: TRƯỜNG THCS HOÀNG QUẾ
Chương: 622 Loại 490 Khoản 492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 05 tháng 04 năm 2020

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định giao ngân sách đầu năm

Trường THCS Hoàng Quế công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2020 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2020	Thực hiện quý I năm 2020	Thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		0		
I	Số thu phí, lệ phí	221.000.000		0	
1	Học phí	221.000.000		0	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		130.034.400		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.875.000.000	774.630.892	20	127
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.875.000.000	774.630.892	20	127
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>3.197.000.000</u>	<u>690.316.415</u>	22	112,98
	Mục 6000: Tiền lương	1.675.160.000	361.248.640	22	106,7
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		33.030.903		
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.042.840.000	188.015.426	18	105,7
	Mục 6200: Tiền thưởng	15.000.000		0	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	14.000.000		0	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	450.000.000	108.021.446	24	114,3
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân				-
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>658.000.000</u>	<u>70.444.477</u>	11	47,9

Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	30.000.000	5.559.877	19	27,6
Mục 6550: Vật tư văn phòng	80.000.000	7.447.000	9	
Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	30.000.000	5.907.000	20	99,7
Mục 6650: Hội nghị	22.500.000		21	
Mục 6700: Công tác phí	35.000.000	4.650.000	0	-
Mục 6750: Chi phí thuê mướn	80.000.000	20.025.600	25	78,1
Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	110.000.000		0	-
Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	93.750.000		0	
Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	176.750.000	26.855.000	15	46,0
Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình				-
3 Các khoản chi khác	20.000.000		0	
Mục 7750: Chi khác	20.000.000	13.870.000	69	69,4
1.2 Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				-
Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.				-

NGƯỜI LẬP



Ngô Thị Thành

THỦ TRƯỞNG




Đinh Thị Ngọc Dung

Đơn vị: TRƯỜNG THCS HOÀNG QUẾ
Chương: 622 Loại 490 Khoản 492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đóng Triệu, ngày 08 tháng 07 năm 2020

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/ND-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định giao ngân sách đầu năm

Trường THCS Hoàng Quế công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II năm 2020 như sau:

DV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2020	Thực hiện quý II năm 2020	Thực hiện quý II/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý II nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	221.000.000	151.545.189	68,57248	140,55
I	Học phí	221.000.000	21.510.789	9,733389	19,95
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		130.034.400		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.875.000.000	826.053.536	21	54
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.875.000.000	826.053.536	21	54
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>3.197.000.000</u>	<u>707.249.660</u>		60
	Mục 6000: Tiền lương	1.675.160.000	373.334.402	22	57
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		31.478.169		5
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.042.840.000	190.721.038	18	29
	Mục 6200: Tiền thưởng	15.000.000		0	-
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	14.000.000	1.400.000	10	0
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	450.000.000	110.316.051	25	17
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân				-
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>658.000.000</u>	<u>118.143.876</u>	18	33
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	30.000.000	15.541.676	51,81	37,79

	Mục 6550: Vật tư văn phòng	80.000.000	37.204.000	46,51	90,45
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	30.000.000	5.907.000	19,69	14,36
	Mục 6650: Hội nghị	22.500.000		0,00	0,00
	Mục 6700: Công tác phí	35.000.000	2.550.000	7,29	6,20
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	80.000.000	6.675.200	8,34	16,23
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	110.000.000	20.031.000	18,21	48,70
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	93.750.000	18.040.000	19,24	43,86
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	176.750.000	1.595.000	0,90	3,88
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình		10.600.000		25,77
3	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>20.000.000</u>	<u>660.000</u>	3	1,60
	Mục 7750: Chi khác	20.000.000	660.000	3	1,60
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.				

NGƯỜI LẬP



Ngô Thị Thành



HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Ngọc Dung

Đơn vị: TRƯỜNG THCS HOÀNG QUẾ
Chương: 622 Loại 490 Khoản 492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 08 tháng 10 năm 2020

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định giao ngân sách đầu năm

Trường THCS Hoàng Quế công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III năm 2020 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2020	Thực hiện quý III năm 2020	Thực hiện quý III/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý III nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	221.000.000	13.920.000	6,299	12,91
I	Học phí	221.000.000	13.920.000	55,00	12,91
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		6.227.200		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.875.000.000	3.022.779.793	78	124,39
I.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.875.000.000	3.022.779.793	78	124,39
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>3.197.000.000</u>	<u>2.008.330.795</u>	63	170
	Mục 6000: Tiền lương	1.675.160.000	1.034.609.813	62	87
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		87.000.709		7
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.042.840.000	554.937.369	53	47
	Mục 6200: Tiền thưởng	15.000.000	10.920.000	73	1
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	14.000.000	1.860.000	13	0
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	450.000.000	319.002.904	71	27
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân				-
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>658.000.000</u>	<u>999.962.598</u>	152	277,62

	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	30.000.000	69.348.168	231	19,25
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	80.000.000	104.270.000	130	28,95
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	30.000.000	17.721.000	59	4,92
	Mục 6650: Hội nghị	22.500.000		0	-
	Mục 6700: Công tác phí	35.000.000	20.108.000	57	5,58
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	80.000.000	57.388.800	72	15,93
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	110.000.000	463.595.130	421	128,71
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	93.750.000	21.110.000	23	5,86
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	176.750.000	231.421.500	131	64,25
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình		15.000.000		4,16
3	Các khoản chi khác	20.000.000	14.486.400	72	138,10
	Mục 7750: Chi khác	20.000.000	14.486.400	72	138,10
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			#DIV/0!	-
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.			#DIV/0!	0
	Mục 6100: Phụ cấp lương				0
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học				0

NGƯỜI LẬP



Ngô Thị Thành

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Ngọc Dung

Đơn vị: TRƯỜNG THCS HOÀNG QUẾ
Chương: 622 Loại 490 Khoản 492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 15 tháng 01 năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2020

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định giao ngân sách đầu năm

Trường THCS Hoàng Quế công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý IV năm 2020 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2020 - điều chỉnh + bổ sung	Thực hiện quý IV năm 2020	Thực hiện quý IV/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý IV nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	221.000.000	115.920.000	52,45	74,62
1	Học phí	221.000.000	115.920.000	52,45	74,62
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		138.513.598	#DIV/0!	89,17
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.877.580.000	1.358.761.353		27,63
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.877.580.000	1.358.761.353	35	27,63
	Phê duyệt điều chỉnh dự toán chi NS	(22.000.000)			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.875.000.000	1.334.181.353	34	37
1	Chi thanh toán cho cá nhân	3.197.000.000	882.621.390	28	34,35
	Mục 6000: Tiền lương	1.675.160.000	404.523.825	24	45,83
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		0		0,00
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.042.840.000	206.164.791	20	#DIV/0!
	Mục 6200: Tiền thưởng	15.000.000		0	0,00
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	14.000.000	1.295.000	9	#DIV/0!

	Mục 6300: Các khoản đóng góp	450.000.000	132.057.774	29	10.197,51
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		114.000.000		86,33
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	658.000.000	450.899.963	69	628,88
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	30.000.000	48.358.720	161	67,45
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	80.000.000	37.176.067	46	51,85
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	30.000.000	34.897.000	116	48,67
	Mục 6650: Hội nghị	22.500.000		0	0,00
	Mục 6700: Công tác phí	35.000.000	12.030.000	34	16,78
	Mục 6750: Chi phí thuê mượn	80.000.000	20.536.904	26	28,64
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	110.000.000	138.707.000	126	193,46
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	93.750.000	80.930.000	86	112,87
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	176.750.000	67.264.272	38	93,81
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	-	11.000.000		15,34
3	Các khoản chi khác	20.000.000	660.000	3	123
	Mục 7750: Chi khác	20.000.000	660.000	3	6
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	24.580.000	24.580.000	100	5
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	17.080.000	17.080.000	100	75,83
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	6.000.000	6.000.000	100	24,79
	Mục 6750: Chi thuê mượn	1.500.000	1.500.000	100	10,33
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	-		#DIV/0!	-
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành				
	Mục 7750: Chi khác				

NGƯỜI LẬP



Ngô Thị Thành

HIỆU TRƯỞNG




Đinh Thị Ngọc Dung